

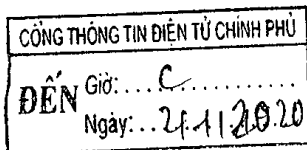
T.T.B.T

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/NQ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2020



NGHỊ QUYẾT

**Về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu
cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh
quốc gia năm 2020**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Nghị quyết số 85/2019/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT NGHỊ:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh là một trọng tâm ưu tiên của Chính phủ trong những năm qua; hàng năm, Chính phủ đã ban hành và quyết liệt triển khai nghị quyết chuyên đề về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Các bộ, ngành, địa phương ngày càng nhận thức được tầm quan trọng của cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh; đã chủ động và tích cực hơn trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc trách nhiệm quản lý của mình.

Năm 2019, hầu hết các chỉ số xếp hạng chung của Việt Nam được cải thiện. Năng lực cạnh tranh quốc gia tăng 3,5 điểm và 10 bậc¹ với 8/12 trụ cột tăng điểm và tăng nhiều bậc. Chỉ số Đổi mới sáng tạo² tăng 3 bậc với 6/7 nhóm trụ cột tăng điểm. Môi trường kinh doanh cải thiện 1,2 điểm³. Năng lực cạnh tranh ngành du lịch cải thiện thêm 4 bậc.⁴

¹ Theo xếp hạng của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), năng lực cạnh tranh 4.0 tăng từ 58 điểm lên 61,5 điểm, cao hơn điểm trung bình toàn cầu (60,7 điểm); thứ hạng từ vị trí 77 lên vị trí 67.

² Theo xếp hạng của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO).

³ Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới (WB), chất lượng môi trường kinh doanh tăng từ 68,6 lên 69,8 điểm với 05/10 chỉ số thành phần tăng điểm. Tuy vậy, thứ hạng môi trường kinh doanh của nước ta giảm 1 bậc xếp hạng chung (từ vị trí 69 xuống vị trí 70).

⁴ Từ vị trí 67 lên vị trí 63 với điểm số tăng nhẹ 0,12 điểm (từ 3,78/7 điểm lên 3,9/7 điểm) – theo xếp hạng của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF).

Tuy vậy, chất lượng môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của nước ta còn ở thứ hạng thấp, đứng thứ 5 hoặc thứ 6 trong ASEAN; đòi hỏi phải tiếp tục nỗ lực cải cách mạnh mẽ để đạt mục tiêu trong nhóm 4 nước đứng đầu ASEAN⁵.

Để tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất lao động góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ ban hành Nghị quyết này tiếp nối Nghị quyết số 02 (năm 2019) và các Nghị quyết số 19 (các năm 2014 - 2018) về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA NĂM 2020

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể định hướng đến năm 2021 theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021. Trong đó, năm 2020 phấn đấu đạt mục tiêu cải thiện thứ bậc trên các bảng xếp hạng như sau:

- a) Môi trường kinh doanh theo xếp hạng EoDB (của WB)⁶ lên 10 bậc.
- b) Năng lực cạnh tranh theo xếp hạng GCI 4.0 (của WEF)⁷ lên 5 bậc.
- c) Đổi mới sáng tạo theo xếp hạng GII (của WIPO)⁸ lên 3 - 4 bậc.
- d) Chính phủ điện tử (của UN)⁹ lên 10 - 15 bậc.

2. Một số mục tiêu cụ thể

- a) Về cải thiện Môi trường kinh doanh theo EoDB trong năm 2020:
 - Nâng xếp hạng chỉ số Khởi sự kinh doanh (gọi tắt là A1) lên 10 - 15 bậc.
 - Nâng xếp hạng chỉ số Nộp thuế và Bảo hiểm xã hội (A2) lên 7 - 10 bậc.
 - Cải thiện điểm số và duy trì thứ hạng chỉ số Cấp phép xây dựng (A3); rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng trên thực tế xuống còn 120 ngày.

⁵ Theo xếp hạng năng lực cạnh tranh 4.0, Việt Nam chỉ đứng thứ 7 trong ASEAN, sau Singapore (thứ 1), Malaysia (thứ 27), Thái Lan (thứ 40), Indonesia (thứ 50), Brunei (thứ 56) và Philippines (thứ 64).

Theo xếp hạng môi trường kinh doanh, Việt Nam đứng thứ 5 trong ASEAN, sau Singapore (thứ 2), Malaysia (thứ 12), Thái Lan (thứ 21) và Brunei (thứ 66).

⁶ Xếp hạng Doing Business (xem tại <http://www.doingbusiness.org/>)

⁷ Xếp hạng Global Competitiveness Index 4.0 (xem tại http://www3.weforum.org/docs/WEF_TheGlobalCompetitivenessReport2019.pdf)

⁸ Xếp hạng Global Innovation Index (xem tại <https://www.globalinnovationindex.org/gii-2019-report>)

⁹ Xếp hạng E-Government Development Index (trong báo cáo United Nation E-Government Survey, xem tại <https://publicadministration.un.org/egovkb/en-us/Reports/UN-E-Government-Survey-2018>)

- Cải thiện điểm số và duy trì thứ hạng chỉ số Tiếp cận tín dụng (A4).
- Nâng xếp hạng chỉ số Bảo vệ nhà đầu tư (A5) lên 7 - 10 bậc.
- Cải thiện điểm số và duy trì thứ hạng chỉ số Tiếp cận điện năng (A6).
- Nâng xếp hạng chỉ số Đăng ký tài sản (A7) lên từ 10 - 15 bậc; rút ngắn tổng thời gian thực hiện đăng ký tài sản trên thực tế xuống còn không quá 30 ngày.
- Nâng xếp hạng chỉ số Giao dịch thương mại qua biên giới (A8) lên 5 - 10 bậc.
- Nâng xếp hạng chỉ số Giải quyết tranh chấp hợp đồng (A9) lên 5 - 7 bậc.
- Nâng xếp hạng chỉ số Giải quyết phá sản doanh nghiệp (A10) lên 7 - 10 bậc.

b) Về cải thiện năng lực cạnh tranh theo GCI 4.0 trong năm 2020:

- Cải thiện điểm số và duy trì thứ hạng chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật¹⁰ (gọi tắt là B1).
- Nâng xếp hạng chỉ số Chất lượng quản lý hành chính đất đai¹¹ (B3) lên từ 5 - 7 bậc.
- Nâng xếp hạng nhóm chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin¹² (B5) lên từ 2 - 3 bậc.
- Nâng xếp hạng chỉ số Chất lượng đào tạo nghề¹³ (B6) lên từ 5 - 10 bậc.
- Nâng xếp hạng chỉ số Tăng trưởng về doanh nghiệp đổi mới sáng tạo¹⁴ (B9) lên từ 3 - 5 bậc.
- Nâng xếp hạng chỉ số Công ty có ý tưởng sáng tạo mới đột phá¹⁵ (B10) lên từ 2 - 3 bậc.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện đầy đủ, nhất quán và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đề ra tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Các bộ được phân công làm đầu mối theo dõi các bộ chỉ số và các bộ, cơ quan được phân công chủ trì, chịu trách nhiệm đối với các nhóm chỉ số, chỉ số thành phần:

a) Rà soát và hoàn thiện tài liệu, tổ chức tập huấn, hướng dẫn để bảo đảm các bộ, cơ quan, địa phương có cách hiểu đúng, đầy đủ, thống nhất về mục tiêu, các bộ chỉ số, nhóm chỉ số, chỉ số thành phần, mẫu biểu báo cáo. Ban hành Tài

¹⁰Thuộc Trụ cột 1, GCI 4.0

¹¹Thuộc Trụ cột 1, GCI 4.0

¹²Trụ cột 3, GCI 4.0

¹³Thuộc Trụ cột 6, GCI 4.0

¹⁴Thuộc Trụ cột 11, GCI 4.0

¹⁵Thuộc Trụ cột 11, GCI 4.0

liệu hướng dẫn hoặc Kế hoạch hành động bổ sung (nếu cần thiết) trước ngày 15 tháng 02 năm 2020.

b) Tiếp tục hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện tại các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); đề xuất, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các giải pháp chỉ đạo giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền.

c) Chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố kết nối với các tổ chức quốc tế có liên quan; cung cấp, cập nhật đầy đủ thông tin cần thiết bảo đảm đánh giá, xếp hạng khách quan, chính xác; thực hiện thông tin đối ngoại để giới thiệu về kết quả đánh giá, xếp hạng hàng năm.

d) Trước ngày 20 tháng 6 và trước ngày 20 tháng 12 năm 2020, tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ số được phân công trong 6 tháng và một năm, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương) và Văn phòng Chính phủ để tổng hợp vào báo cáo chung về tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết. Nội dung báo cáo cần bám sát yêu cầu của Nghị quyết; nêu chi tiết những sáng kiến, cải cách đã được triển khai và kết quả đạt được, trong đó đánh giá tác động về cắt giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp; nêu rõ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực thi và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

3. Tiếp tục cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số môi trường kinh doanh

a) Về Khởi sự kinh doanh

- Bộ Tài chính trong quý I năm 2020 kiến nghị sửa đổi Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài theo hướng lùi thời hạn khai, nộp lệ phí môn bài vào ngày 30 tháng 01 của năm kế tiếp; giám sát việc thực thi quy định đối với thủ tục đặt in/ tự in hóa đơn và thông báo phát hành đảm bảo đúng thời hạn 04 ngày theo quy định (trong đó thủ tục đặt in/ tự in hóa đơn là 02 ngày; thông báo phát hành là 02 ngày); đối với thủ tục mua hóa đơn đảm bảo giải quyết ngay trong ngày; đẩy mạnh việc sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu xây dựng Hệ thống thông tin khai trình lao động trực tuyến kết nối với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Hoàn thành trong quý IV năm 2020.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) theo hướng bãi bỏ hoặc đơn giản hóa các thủ tục không cần thiết, không phù hợp nhằm rút ngắn thời gian và chi phí gia nhập thị trường. Hoàn thành và trình Quốc hội vào kỳ họp tháng 5 năm 2020.

b) Về Cấp phép xây dựng

- Các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện các biện pháp rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan; giám sát và tăng cường kỷ luật kỷ cương trong giải quyết thủ tục hành chính; trước ngày 20 tháng 3 năm 2020 báo cáo tình hình và kết quả thực hiện gửi về Bộ Xây dựng và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương) để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Bộ Xây dựng rà soát lại quy trình, thủ tục cấp giấy phép xây dựng nhằm rút ngắn thời gian cấp giấy phép và thanh tra, kiểm tra xây dựng không quá 50 ngày; nghiên cứu, đề xuất áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư xây dựng nhằm giảm số lượng các cuộc kiểm tra, số lần phê duyệt; hoàn thành trong quý III năm 2020.

c) Về Tiếp cận tín dụng

- Ngân hàng nhà nước Việt Nam tiếp tục triển khai hiệu quả các giải pháp duy trì chỉ số chiều sâu thông tin tín dụng; chỉ đạo các tổ chức tín dụng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp được tiếp cận tín dụng công bằng, minh bạch.

- Bộ Tư pháp trong quý IV năm 2020 hoàn thành các nhiệm vụ sau:

+ Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định hướng dẫn các quy định của Bộ luật dân sự 2015 về giao dịch bảo đảm, trong đó hoàn thiện các quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm, thứ tự ưu tiên thanh toán... theo hướng đơn giản hóa quy định về hồ sơ và thực hiện triển khai đăng ký, sửa đổi, bổ sung, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm theo phương thức trực tuyến.

+ Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc thực hiện giao dịch điện tử về đất đai, trong đó có đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

+ Phối hợp Tòa án nhân dân tối cao nghiên cứu, đề xuất, báo cáo Chính phủ, Quốc hội hoàn thiện pháp luật về phá sản, trong đó xác định khoảng thời gian cụ thể để bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp tài sản bảo đảm không cần thiết cho quá trình tái cơ cấu của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

d) Về Đăng ký tài sản

- Bộ Tài nguyên và Môi trường:

+ Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan đề nghị, hướng dẫn các địa phương thực hiện các giải pháp cần thiết nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình gắn liền với đất, thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà, đăng ký quyền sử dụng đất bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành; hoàn thành trong quý II năm 2020.

+ Phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao nghiên cứu, đề xuất giải pháp cụ thể đối với việc công bố công khai số liệu về giải quyết tranh chấp về đất đai; rút ngắn thời gian xử lý các vụ việc về tranh chấp đất đai; hoàn thành trong quý II năm 2020.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

+ Chỉ đạo, giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thời gian theo quy định của pháp luật.

+ Ưu tiên đầu tư kinh phí cho việc hoàn thành đo đạc, lập bản đồ địa chính có tọa độ theo Nghị quyết số 39/2012/QH13 của Quốc hội; báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 20 tháng 3 năm 2020.

đ) Về Giải quyết tranh chấp hợp đồng và Giải quyết phá sản doanh nghiệp

Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện các giải pháp cải thiện chỉ số Giải quyết tranh chấp hợp đồng và Giải quyết phá sản doanh nghiệp; đề xuất sửa đổi Luật Thi hành án dân sự nhằm đơn giản hoá thủ tục, rút ngắn thời gian và giảm chi phí thi hành án dân sự. Thực hiện triển khai thu án phí qua hình thức không dùng tiền mặt.

e) Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất giải pháp cải cách quy định về Đấu thầu dự án đầu tư công. Hoàn thành trong quý IV năm 2020.

4. Cải cách thực chất các quy định về điều kiện kinh doanh

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ:

- Cập nhật và công bố, công khai các thủ tục hành chính liên quan đến cấp các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa trong năm 2018 và 2019; công khai bảng so sánh các điều kiện kinh doanh trước và sau khi bãi bỏ, đơn giản hoá; hoàn thành trong tháng 01 năm 2020. Với các thủ tục hành chính liên quan đến cấp các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được đơn giản hóa từ năm 2020 trở đi, thực hiện nghiêm việc công bố, công khai theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính.

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các luật có liên quan để bãi bỏ, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh được quy định tại các luật chuyên ngành theo phương án đã được phê duyệt.

b) Bộ Tư pháp tăng cường chất lượng thẩm định ban hành điều kiện đầu tư kinh doanh trong các dự thảo Luật, Nghị định bảo đảm tuân thủ đúng quy định của Luật Đầu tư và các Nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực thi đúng, đầy đủ những quy định về điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa; không tự đặt thêm điều kiện kinh doanh dưới mọi hình thức; xử lý nghiêm những cán bộ, công chức không thực hiện đầy đủ, đúng các quy định mới về điều kiện kinh doanh.

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ theo dõi, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện cải cách toàn diện các quy định về điều kiện kinh doanh ở các bộ, ngành, địa phương; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 20 tháng 12 năm 2020.

5. Tiếp tục thực hiện cải cách toàn diện công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành và kết nối Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ:

- Đến hết năm 2020, thực hiện đầy đủ các cải cách về quản lý, kiểm tra chuyên ngành, gồm: (i) Áp dụng quản lý rủi ro dựa trên cơ sở đánh giá, phân tích về mức độ tuân thủ của doanh nghiệp và mức độ, quy mô rủi ro của hàng hoá; (ii) chuyển mạnh từ chủ yếu thực hiện kiểm tra tại giai đoạn thông quan hàng hoá sang chủ yếu giám sát tại thị trường nội địa; (iii) công bố công khai danh mục mặt hàng kiểm tra chuyên ngành với mã số HS ở cấp độ chi tiết, cách thức quản lý chuyên ngành về xuất khẩu, nhập khẩu tương ứng và chi phí mà doanh nghiệp phải trả; hình thức công khai phải đảm bảo phù hợp, dễ tiếp cận; (iv) áp dụng dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.

- Hoàn thành rà soát, cắt giảm thực chất 50% số mặt hàng thuộc danh mục mặt hàng kiểm tra chuyên ngành¹⁶. Trong quý I năm 2020 công bố công khai, đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của bộ quản lý chuyên ngành về danh mục với mã HS tương ứng kèm theo Bảng so sánh danh mục mặt hàng quản lý, kiểm tra chuyên ngành trước và sau khi cắt giảm.

- Trong quý II năm 2020, hoàn thành sắp xếp bộ máy tổ chức ở các bộ liên quan theo hướng đối với mỗi mặt hàng chỉ có một đầu mối duy nhất thực hiện thủ tục kiểm tra chuyên ngành.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018 - 2020.

- Thực thi đầy đủ trách nhiệm được phân công về kiểm tra chuyên ngành theo quy định tại Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

b) Bộ Tài chính:

- Xây dựng và trình Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể về xây dựng và phát triển hệ thống công nghệ thông tin phục vụ triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN theo định hướng xử lý tập trung.

¹⁶Danh mục mặt hàng quản lý, kiểm tra chuyên ngành tính tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/ 5/2018.

- Cải cách mạnh mẽ thủ tục hải quan theo hướng điện tử hóa, hướng tới hải quan điện tử, phù hợp chuẩn mực quốc tế; chủ trì xây dựng Đề án cải cách kiểm tra chuyên ngành theo hướng cơ quan hải quan là đầu mối thực hiện kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu (trừ các mặt hàng liên quan đến an ninh, quốc phòng, kiểm dịch,...), bộ quản lý chuyên ngành thực hiện hậu kiểm; trình Chính phủ trong quý I năm 2020.

- Nghiên cứu, đề xuất giải pháp giải quyết ngay các vướng mắc kéo dài trong áp dụng thuế cho nguyên liệu, vật tư dư thừa từ quá trình sản xuất xuất khẩu và gia công xuất khẩu.

- Chủ trì theo dõi tình hình, đánh giá kết quả thực hiện cải cách về quản lý, kiểm tra chuyên ngành; đánh giá mức độ thay đổi và tác động đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 20 tháng 12 năm 2020.

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Thực hiện áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, phân luồng ưu tiên, công nhận lẫn nhau trong quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hoạt động xuất nhập khẩu thủy sản; hướng dẫn và phân biệt giữa kiểm dịch và kiểm tra an toàn thực phẩm; hướng dẫn cụ thể, rõ ràng về cách thức kiểm tra (nhất là kiểm tra cảm quan), đảm bảo thực hiện nhất quán, tránh phát sinh chi phí cho doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, sửa đổi Thông tư số 285/2016/TT-BTC về cách tính phí, lệ phí trong công tác thú y nhằm giảm chi phí bất hợp lý cho doanh nghiệp.

d) Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu, đề xuất và thực hiện các giải pháp nhằm hạn chế việc áp đặt và gia tăng phí của các hãng tàu và phụ phí của cảng.

6. Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chỉ đạo thực hiện cung cấp ít nhất 30% số dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết ở cấp độ 4; cho phép người dân, doanh nghiệp thanh toán không dùng tiền mặt bằng nhiều phương tiện khác nhau; tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia theo lộ trình; đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Bộ Thông tin và Truyền thông đẩy nhanh tiến độ cấp phép khai thác băng tần 2.6GHz triển khai mạng 4G cho các doanh nghiệp viễn thông theo đúng quy định của pháp luật; trước ngày 20 tháng 6 và trước ngày 20 tháng 12 năm 2020, tổng hợp kết quả thực hiện 6 tháng và một năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương) và Văn phòng Chính phủ để tổng hợp vào báo cáo chung về tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết.

c) Ngân hàng nhà nước Việt Nam:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc thí điểm dùng tài khoản viễn thông để thanh toán cho các dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money), thí điểm các mô hình dịch vụ thanh toán mới trong khi chưa có quy định của pháp luật để kịp thời đảm bảo công tác quản lý, nhất là đối với các hoạt động thanh toán xuyên biên giới. Hoàn thành trong quý IV năm 2020.

- Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 ban hành theo Quyết định số 2545/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; đề xuất biện pháp đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong thời gian tới. Hoàn thành trong quý IV năm 2020.

d) Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về cơ chế tài chính của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp trong việc chi trả phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, đảm bảo áp dụng và thực hiện thống nhất. Hoàn thành trong quý IV năm 2020.

đ) Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo tất cả các trường học phối hợp với các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán thu học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; đến hết năm 2020, 100% trường học trên địa bàn đô thị chấp nhận thanh toán học phí qua ngân hàng; khuyến khích các trường học xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật để kết nối, chia sẻ thông tin với ngân hàng, thực hiện thu học phí bằng phương thức điện tử.

e) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các hướng dẫn, tiêu chuẩn, lộ trình chuẩn hóa thông tin dữ liệu về người nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, các chế độ an sinh xã hội để kết nối chia sẻ thông tin với các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán nhằm phục vụ chi trả các chế độ an sinh xã hội, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội qua ngân hàng.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam chỉ đạo Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh vận động, khuyến khích người nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội qua các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt với mục tiêu đạt 50% số người nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, mai táng phí, tử tuất,... sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt ở khu vực đô thị.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người hưởng nhận các khoản trợ cấp qua các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt, bảo đảm trên địa bàn đô thị đạt ít nhất 30% đến hết năm 2020.

g) Bộ Công an chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông; áp dụng thống nhất việc định danh các khoản thu phạt vi phạm hành chính (mã ID); kết nối, chia sẻ thông tin thu phạt với Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại, doanh nghiệp được giao quản lý mạng bưu chính công cộng, cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và các đơn vị

có liên quan; ứng dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trong thu phạt vi phạm hành chính.

h) Bộ Y tế chỉ đạo các bệnh viện phối hợp với các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán để thu viện phí bằng phương thức không dùng tiền mặt; phấn đấu đạt mục tiêu đã được xác định tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23 tháng 2 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ là 50% bệnh viện tại các thành phố lớn chấp nhận thanh toán viện phí qua ngân hàng.

i) Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương:

- Triển khai thực hiện và tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính... Theo dõi, đôn đốc việc triển khai dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4 tại các bộ, ngành, địa phương theo các Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2017 và Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định ban hành danh mục dịch vụ công tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2020 và tổ chức triển khai việc tích hợp.

k) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Trước ngày 20 tháng 12 năm 2020, báo cáo tình hình và kết quả thực hiện mục tiêu 100% trường học, bệnh viện, công ty bán lẻ điện, công ty cấp, thoát nước, công ty vệ sinh môi trường, các công ty viễn thông, bưu chính trên địa bàn đô thị phối hợp với các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để thu học phí, viện phí, tiền điện... bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, ưu tiên giải pháp thanh toán trên thiết bị di động, thanh toán qua thiết bị chấp nhận thẻ, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương) để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

7. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì:

- Hoàn thiện hành lang pháp lý phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước;

- Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp, thu hút đầu tư của doanh nghiệp cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát huy Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để hỗ trợ đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển không gian khởi nghiệp sáng tạo trong các trường đại học.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

b) Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, Kế hoạch thực hiện các Nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia tại bộ, cơ quan, địa phương.

c) Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo. Trước ngày 20 tháng 6 và trước ngày 20 tháng 12 năm 2020, tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết 6 tháng và một năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương) và Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 tháng và cuối năm.

2. Từng bộ, ngành, địa phương thực hiện truyền thông về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh thuộc phạm vi trách nhiệm của mình. Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và các cơ quan báo chí chủ động hỗ trợ các bộ, cơ quan, địa phương tổ chức truyền thông; quán triệt, phổ biến Nghị quyết sâu rộng trong các ngành, các cấp; tăng cường theo dõi, giám sát của các cơ quan truyền thông, báo chí về tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết.

3. Bộ Nội vụ nghiên cứu lồng ghép một số tiêu chí đánh giá, xếp hạng việc thực thi Nghị quyết vào nội dung khảo sát hàng năm của chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS).

4. Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong các Nghị quyết số 19 và Nghị quyết số 02 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

5. Hội đồng quốc gia về Phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ các giải pháp chỉ đạo.

6. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và các hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng theo dõi, đánh giá độc lập thường xuyên về tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết; trực tiếp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tiến hành điều tra và công bố chỉ số PCI, đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp trên các lĩnh vực như thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội, tiếp cận điện năng,... kết hợp, lồng ghép đánh giá kết quả, tác động của các Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; tổng hợp những vướng mắc mà doanh nghiệp kiến nghị; chủ trì thực hiện chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững, nhân rộng áp dụng bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững (CSI) trong cộng đồng doanh nghiệp; thúc đẩy sự tham gia của tư nhân vào phương thức hợp tác công tư và chương trình nâng cao năng lực cho các hiệp hội doanh nghiệp; trực tiếp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

7. Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ thực hiện khảo sát, đánh giá và công bố thường niên Báo cáo Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (APCI)./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Viện NCQLKTTW (Bộ KH&ĐT);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Tổng Thư ký HĐQT về PTBV và nâng cao NLCT, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KSTT (2).NTTL 111

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc